TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị Tin.
2. Bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Tiệp-Kiểm sát viên.

Ngày 19/3/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 456/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2023 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Khu dân cư T, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Nguyễn Thế D1, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Khu dân cư P1, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Chị V1, anh D1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Nguyễn Thị V1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Thế D1 kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (*Viết tắt là: UBND*) phường T1 vào ngày 17/4/2020. Sau khi đăng ký kết hôn, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hai bên gia đình chưa tổ chức lễ cưới cho anh chị theo phong tục, chị vẫn ở nhà bố mẹ đẻ tại khu dân cư T, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian này, chị và anh D1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm; ngoài ra, chị còn phát hiện anh D1 là người chơi bời nên đã trao đổi với anh D1 về việc không tổ chức lễ cưới nữa. Lúc đầu là Dũng không đồng ý nhưng sau đó khoảng 03 tháng thì anh

D1 cũng đồng ý. Từ đó cho đến nay chị và anh D1 không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1.

2. Quan hệ về con chung; tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Thế D1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị V1. Trước đây, chị V1 và anh D1 quen biết nhau từ năm 2018, đến năm 2020 hai anh chị quyết định đi đến hôn nhân và được gia đình hai bên đồng ý. Hai anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, thị xã K vào ngày 17/04/2020 nhưng chưa tổ chức lễ cưới vì thời điểm đó dịch Covid-19 đang bùng phát và hai bên gia đình thống nhất sau khi hết dịch sẽ tổ chức sau. Sau khi đăng ký kết hôn, hai anh chị xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên khoảng một tháng sau chị V1 về báo cáo lại với gia đình ông về viêc không tổ chức lễ cưới vì không muốn đi đến hôn nhân với anh D1 nữa. Nguyên nhân hai anh chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách trái ngược và chị V1 có nói cho ông biết anh D1 là người chơi bời nên không muốn đi đến hôn nhân. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không thành. Chị V1, anh D1 đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay ông xác định chị V1, anh D1 đã còn không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị V1, anh D1 chưa có con và tài sản chung.

- Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-ông Nguyễn Văn Đoàn trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Thế D1. Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa chị V1, anh D1 như chị V1 và ông Nghĩa trình bày. Sau khi đăng ký kết hôn do phát sinh mâu thuẫn nên chị V1, anh D1 đã trao đổi với hai bên gia đình về việc không tổ chức lễ cưới. Sau nhiều lần hòa giải không được, hai bên gia đình đi đến quyết định không tổ chức lễ cưới cho anh chị nữa. Từ đó đến nay, chị V1, anh D1 và hai bên gia đình không còn qua lại với nhau. Nay chị V1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D1 thì gia đình ông đồng ý; về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị V1, anh D1 chưa có con và tài sản chung.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 23/01/2024, UBND phường T1 cung cấp*: Chị V1, anh D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường T1, thị xã K vào ngày 17/4/2020. Tuy nhiên, do phát sinh mâu thuẫn nên chị V1, anh D1 không tổ chức lễ cưới và cũng không về chung sống cùng nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng không thể hàn gắn nên chị V1 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D1. Quan điểm của UBND phường T1 là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị V1, anh D1 chưa có con và tài sản chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị V1 ly hôn anh D1; về án phí: Chị V1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Chị Nguyễn Thị V1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Nguyễn Thế D1 có địa chỉ: Khu dân cư P1, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục tống đạt*: Quá trình giải quyết vụ án, do anh D1 vắng mặt tại gia đình nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân thích có cùng nơi cư trú với anh D1 là ông Nguyễn Văn Đoàn-Là bố đẻ anh D1. Ông Đoàn cam kết sẽ giao lại tận tay ngay cho anh D1. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đã đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Nguyễn Thị V1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thế D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V1 và anh Nguyễn Thế D1 đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2020 tại UBND phường T1, thị xã K, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hai bên gia đình chưa thể tổ chức lễ cưới theo phong tục, chị V1 và anh D1 chưa về chung sống. Trong thời gian chờ tổ chức lễ cưới, chị V1, anh D1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn giữa chị V1, anh D1 không được cải thiện. Trên cơ sở ý kiến của chị V1 và anh D1, hai bên gia đình đã đi đến thống nhất không tổ chức lễ cưới cho anh chị. Từ đó đến nay, chị V1, anh D1 không còn quan tâm, liên lạc gì; hai bên gia đình không còn qua lại với nhau. Nay chị V1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, gia đình anh D1 đồng ý. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị V1, anh D1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị V1 được ly hôn anh D1.

[3]. *Quan hệ về con chung, tài sản chung*: Chị V1, anh D1 không có con và tài sản chung; chị V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V1. Xử cho chị Nguyễn Thị V1 ly hôn anh Nguyễn Thế D1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo Biên lai số: 0002283 ngày 25/12/2023. Chị Nguyễn Thị V1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường T1 (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn